

18	Hoàng Tuyết Nhung	GV	V.07.02.25	3,99		0,5				17%	0,678	2,00	7,163	16,762,122		873,906	163,857	109,238	1,147,001	15,615,1
19	Nguyễn Thị Lý	GV	V.07.02.25	3,33		0,5				14%	0,466	1,67	5,961	13,949,208		710,649	133,247	88,831	932,726	13,016,4
20	Nguyễn Thị Loan	Y tế	V.08.03.07	3,26		0,5							3,760	8,798,400		610,272	114,426	76,284	800,982	7,997,4
21	Đỗ Thị Thu Phương	KT - TT	06a.031	3,00	0,2	0,5	0,1						3,800	8,892,000		599,040	112,320	74,880	786,240	8,105,7
	Cộng			86,69	2,1	10,5	0,1		2,022		18,438	42,18	162,03	379,141,495	0	20,451,652	3,834,685	2,556,457	26,842,794	352,298,7
	Lương Hợp Đồng																			
22	Vì Văn Hiếu	BV												3,860,000		308,800	57,900	38,600	405,300	3,454,7
23	Phạm Thành	BV												3,860,000		308,800	57,900	38,600	405,300	3,454,7
	Cộng													7,720,000		617,600	115,800	77,200	810,600	6,909,4
	Cộng tổng			86,69	2,10	10,5	0,1		2,022		18,438	42,18	162,03	386,861,495	-	21,069,252	3,950,485	2,633,657	27,653,394	359,208,10

Tổng số tiền (bằng chữ): Ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm linh tám nghìn một trăm linh một đồng./.

Ngày 7 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

[Signature]

Đỗ Thị Thu Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

[Signature]

Đỗ Thị Thu Phương

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Đặng Thị Hải Yến

